

**BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO**

**VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
VIỆT NAM**

VIỆN KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

ĐOÀN HỮU BẢY

**PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:
KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC VÀ VẬN DỤNG VÀO VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Kinh tế Thế giới và Quan hệ Kinh tế quốc tế

Mã số : 62.31.07.01.

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội-2009

Công trình hoàn thành tại: Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới,
Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS. TSKH. VÕ ĐẠI LỢC
2. PGS. TS. NGUYỄN KIM BẢO

Phản biện 1: GS. TS. Nguyễn Kế Tuấn

Phản biện 2: PGS. TS. Phan Đăng Tuất

Phản biện 3: PGS. TS. Bùi Tất Thắng

Luận án sẽ được bảo vệ trước hội đồng chấm luận án cấp nhà nước, họp tại Hội trường tầng 4 Viện Kinh tế Thế giới, 176 Thái Hà, Hà Nội.

vào hồi giờ ngày tháng năm 2009

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia

Thư viện Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Đoàn Hữu Bẩy (2001), "Tự động hoá, điện tử- tin học, phần cấu thành không thể thiếu được của sự phát triển ngành cơ khí", Tạp chí *Cơ khí Việt Nam* (Số 46/2001), tr.29-30.
2. Đoàn Hữu Bẩy (2005), "Ngành cơ khí Việt Nam hướng tới hội nhập", Tạp chí *Giáo Dục Lý Luận* (Số 7/2005), tr.15-19.
3. Đoàn Hữu Bẩy (2006), "Nghiên cứu điều tra khảo sát thực trạng một số trường dạy nghề cơ khí chế tạo, đề xuất bổ sung một số nội dung đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu lao động của ngành cơ khí chế tạo trong tiến trình hội nhập" *Chủ nhiệm đề tài cấp bộ năm 2006*.
4. Đoàn Hữu Bẩy (2007), "Cổ phần hoá các tổ chức KH&CN- nhìn từ cơ sở", Tạp chí *Công nghiệp* (Số 7/2007), tr.10-12.
5. Đoàn Hữu Bẩy (2007), "Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình thực hiện chương trình sản phẩm cơ khí trọng điểm của Chính phủ. Đề xuất giải pháp phát triển phù hợp trong quá trình Việt Nam hội nhập WTO" *Chủ nhiệm đề tài cấp bộ năm 2007*.
6. Đoàn Hữu Bẩy (2008), "Những đề xuất thí điểm cổ phần hoá Viện Nghiên cứu Cơ khí", Tạp chí *Công nghiệp* (Số 7/2008), tr.6-8.
7. Đoàn Hữu Bẩy (2008), "Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ Hàn và Xử lý bề mặt thu hàng chục tỷ đồng từ chuyển giao công nghệ", Báo *Khoa học & Phát triển* (Số 32/2008), tr.6.
8. Đoàn Hữu Bẩy (2009), "Cổ phần hoá rút ngắn"- Mô hình chuyển đổi của NARIME, Tạp chí *Hoạt động Khoa học* (Số 4/2009), tr.25-27.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Phát triển thị trường KH&CN là một tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường và là một trong những nội dung trọng tâm của chiến lược phát triển của các quốc gia trên thế giới trong xu thế toàn cầu hoá.

Thị trường KH&CN ở Trung Quốc từ cải cách mở cửa đến nay đã phát huy tác dụng tốt trong việc chuyển hóa thành quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất. Dưới sự chỉ đạo của chiến lược cơ bản và phương châm cụ thể "mở cửa, làm sống động, nâng đỡ, hướng dẫn", đã phát triển rất nhanh từ không thành có, từ nhỏ đến lớn. Hiện nay, thị trường KH&CN ở Trung Quốc đang phát triển tương đối lành mạnh, quy mô giao dịch đã mở rộng, thúc đẩy tích cực phát triển kinh tế xã hội. Trung Quốc đang thực hiện đổi mới hệ thống KH&CN lấy doanh nghiệp làm chủ thể, lấy thị trường làm phương hướng dẫn dắt, kết hợp sản xuất, nghiên cứu và phát triển, bảo đảm thể chế và cơ chế tạo điều kiện cho việc tăng cường năng lực tự chủ, xây dựng Nhà nước loại hình sáng tạo, phát triển đất nước theo quan điểm khoa học.

Tạo lập và phát triển thị trường KH&CN là một trọng tâm giải pháp chủ yếu để phát triển KH&CN và là một nội dung quan trọng để phát triển đồng bộ các loại thị trường ở nước ta. Tuy nhiên thị trường KH&CN ở nước ta mới hình thành ở mức độ sơ khai, việc phát triển thị trường KH&CN vì vậy càng trở nên quan trọng và cấp thiết hơn

đối với quá trình phát triển đất nước. Đứng trước tình hình đó rất cần những giải pháp hữu hiệu nhằm thúc đẩy thị trường KH&CN phát triển. Do vậy việc tham khảo kinh nghiệm phát triển thị trường KH&CN của Trung Quốc, một quốc gia có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam và đã có những thành công trong lĩnh vực này sẽ có ý nghĩa rất quan trọng cả về thực tiễn và lý luận. Đó là lý do đề vấn đề: ***“Phát triển thị trường khoa học và công nghệ: Kinh nghiệm của Trung Quốc và vận dụng vào Việt Nam”*** được chọn làm đề tài của luận án tiến sỹ kinh tế này.

2. Tình hình nghiên cứu

+ Về phát triển thị trường KH&CN ở Trung Quốc: một số nghiên cứu tìm hiểu những thành tựu phát triển kinh tế, trong đó có những vấn đề về phát triển KH&CN và thị trường KH&CN của Trung Quốc từ cải cách mở cửa đến nay. Một số khác tập trung phân tích quá trình, hiện trạng phát triển thị trường KH&CN của Trung Quốc.

+ Về thị trường KH&CN Việt Nam: có một số công trình và tài liệu liên quan đến công nghệ và thị trường công nghệ Việt Nam.

Tuy nhiên, từ trước đến nay, trong nước cũng như trên thế giới chưa có công trình nào trực tiếp nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện vấn đề phát triển thị trường KH&CN ở Trung Quốc từ cải cách mở cửa (1978) đến nay (2008) từ đó rút ra bài học kinh nghiệm vận dụng để phát triển thị trường KH&CN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

3. Đối tượng và mục đích nghiên cứu

Phát triển thị trường KH&CN: Kinh nghiệm của Trung Quốc và vận dụng vào Việt Nam là đối tượng nghiên cứu chính của luận án. Mục đích của luận án là qua nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thị trường KH&CN, từ đó nghiên cứu quá trình phát triển thị trường KH&CN của Trung Quốc để rút ra những bài học kinh nghiệm để so sánh, vận dụng phát triển thị trường KH&CN ở Việt Nam.

4. Phạm vi nghiên cứu

Ngoài phần một số cơ sở lý luận, luận án tập trung nghiên cứu quá trình phát triển thị trường KH&CN của Trung Quốc từ cải cách, mở cửa đến nay (1978- 2008), tiếp cận vấn đề từ các khía cạnh như: các kết quả đạt được xét về quy mô, trình độ và các yếu tố của thị trường; các ngành và lĩnh vực; các khu vực công nghiệp và nông thôn. Từ nghiên cứu trên rút ra quan điểm, mục tiêu, giải pháp và bài học kinh nghiệm thành công, thất bại của Trung Quốc về phát triển thị trường KH&CN trong công cuộc cải cách mở cửa. Từ cơ sở lý luận về thị trường KH&CN và bài học kinh nghiệm của Trung Quốc xem xét nhận dạng thị trường KH&CN Việt Nam từ thời kỳ đổi mới đến nay (1986-2008) trên quy mô, cấp độ và các hoạt động diễn ra của thị trường, so sánh và đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm phát triển thị trường KH&CN ở Việt Nam.

5. Nhiệm vụ phải giải quyết

Luận án sẽ trả lời các câu hỏi: quan niệm về KH&CN và thị trường KH&CN như thế nào cho đúng? Vai trò của KH&CN và thị trường KH&CN đối với sự phát triển kinh tế xã hội như thế nào? Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường? trên cơ sở phân tích lý thuyết

cạnh tranh để nâng cao năng lực cạnh tranh như thế nào? Thực trạng KH&CN và thị trường KH&CN ở Trung Quốc? Những thành công, tồn tại và nguyên nhân? Quan điểm phát triển thị trường KH&CN hiện nay trên thế giới và ở Trung Quốc là gì? Đồng thời phải trả lời được câu hỏi Việt Nam đã có thị trường KH&CN hay chưa? Mức độ quy mô đến đâu? Những thành công, thất bại trong phát triển thị trường KH&CN ở Trung Quốc và bài học kinh nghiệm vận dụng vào Việt Nam để phát triển thị trường KH&CN? Những chính sách, cơ chế nào phù hợp để phát triển thị trường KH&CN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam?

6. Phương pháp nghiên cứu

Luận án nghiên cứu phát triển thị trường KH&CN dưới góc độ của chuyên ngành Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế, có sử dụng các phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Đồng thời, đặc biệt coi trọng và sử dụng xuyên suốt luận án các phương pháp phân tích - hệ thống - tổng hợp - thống kê - so sánh. Luận án đã sử dụng kết quả của một số nghiên cứu có sử dụng phương pháp kinh tế lượng khi phân tích ảnh hưởng của tiến bộ công nghệ tới tăng trưởng kinh tế. Kết quả các nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra đã được sử dụng trong phân tích tác động của chuyển giao và đổi mới công nghệ đối với tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

7. Đóng góp của luận án

- Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về phát triển thị trường KH&CN.
- Hệ thống hoá vấn đề phát triển thị trường KH&CN ở Trung Quốc và Việt Nam.

- Nghiên cứu sự thành công và thất bại trong phát triển thị trường KH&CN ở Trung Quốc và Việt Nam. Những vấn đề được tổng hợp thành quy luật chung.

- Một số kinh nghiệm của Trung Quốc vận dụng vào Việt Nam và gợi ý chính sách phát triển thị trường KH&CN Việt Nam đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

8. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thị trường khoa học và công nghệ.

Chương 2. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở Trung Quốc.

Chương 3. Vận dụng kinh nghiệm phát triển thị trường khoa học và công nghệ của Trung Quốc vào Việt Nam và một số gợi ý chính sách.

Sau đây là tóm tắt luận án:

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

VỀ THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Nội dung nghiên cứu của chương 1 là hệ thống hoá một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thị trường khoa học và công nghệ (TTKH&CN); nghiên cứu kinh nghiệm phát triển TTKH&CN của Mỹ, Nhật, Ấn Độ từ đó làm cơ sở nghiên cứu sự phát triển TTKH&CN ở Trung Quốc và Việt Nam trong các chương tiếp theo.

1.1. Một số vấn đề lý luận chung về thị trường KH&CN

1.1.1. Khái niệm chung về thị trường khoa học và công nghệ

+ *Khái niệm*

Thị trường KH&CN là một phạm trù kinh tế, phản ánh toàn bộ quan hệ trao đổi giữa người mua và người bán đã được thể chế hoá nhằm xác định giá cả và khối lượng hàng hoá KH&CN.

+ *Đặc điểm của thị trường khoa học và công nghệ*

Thị trường KH&CN là loại thị trường đặc biệt: hàng hoá KH&CN là loại hàng hoá đặc biệt; các giao dịch trên thị trường rất dễ bị đóng băng do những vấn đề liên quan tới chi phí giao dịch, dễ bị sao chép, các rủi ro gắn với công nghệ và với tính bất bình đẳng về thông tin trong mua bán công nghệ.

+ *Chức năng của thị trường khoa học và công nghệ*

Thị trường KH&CN là một thị trường bộ phận của hệ thống thị trường do vậy nó có đầy đủ các chức năng của thị trường: (1) chức năng thực hiện, (2) chức năng cung cấp thông tin, (3) chức năng sàng lọc và đào thải các phần tử yếu kém, (4) chức năng huy động và phân bổ các nguồn lực, ngoài ra thị trường KH&CN còn có các chức năng riêng.

+ *Các yếu tố cơ bản của thị trường KH&CN*

Có 4 yếu tố cấu thành thị trường phản ánh sự hiện diện và hoạt động của thị trường KH&CN đó là:

- Hàng hoá KH&CN bao gồm lixăng, patăng, bí quyết về KH&CN; giá cả hàng hoá, dịch vụ KH&CN;

- Các chủ thể tham gia thị trường KH&CN gồm: cung và người cung cấp, cầu và người mua hàng;

- Sự hiện diện của chủ thể chế, đảm bảo hoạt động của thị trường (hệ thống văn bản pháp quy và các tổ chức quản lý, thực thi thể chế,...);

- Hệ thống dịch vụ trung gian (thông tin, tư vấn, môi giới, thẩm định, định giá công nghệ, cung cấp tài chính...).

1.1.2. Lý thuyết về thị trường

+ Nhà nước và thị trường

Quan hệ giữa Nhà nước và thị trường là mối quan hệ cơ bản có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế. Từ cuối thế kỷ thứ XVII đến nay, các học thuyết kinh tế luôn xoay quanh cách nhìn nhận mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường, hoặc là đã tuyệt đối hóa vai trò của thị trường (Adam Smith và David Ricardo); hoặc là tuyệt đối hóa vai trò của Nhà nước trong các nền kinh tế kế hoạch hoá theo mô hình Xô viết; hoặc là coi trọng cả hai với lý thuyết “bàn tay hữu hình” và “bàn tay vô hình” của Keynes; hoặc là coi trọng hơn “bàn tay vô hình” và giảm nhẹ hơn vai trò của “bàn tay hữu hình” của thuyết tự do mới...

Tuy nhiên ngày nay, hầu như không ai còn đặt vấn đề về “Nhà nước hay thị trường”? Thay vào đó, người ta tin tưởng chắc chắn rằng

Nhà nước và thị trường phải được nhìn nhận như *hai mặt bổ sung, chứ không phải thay thế nhau* trong phát triển kinh tế và gần như thống nhất xác định ba chức năng chính của Nhà nước (Chính phủ).

+ *Lý thuyết cạnh tranh*

Theo lý luận cạnh tranh của C. Mác, gồm cạnh tranh về giá trị thặng dư, cạnh tranh chất lượng và cạnh tranh giữa các ngành. Ba mặt đó diễn ra xoay quanh giá trị. C. Mác đã chỉ ra tính hai mặt của lao động là lao động cụ thể và lao động trừu tượng. Lao động cụ thể bảo tồn và di chuyển giá trị cũ (c) vào trong sản phẩm mới, lao động trừu tượng tạo ra giá trị mới (v+m). Từ đó Mác chỉ ra cơ cấu chuyển hoá giá trị thặng dư thành lợi nhuận bình quân và giá trị hàng hoá thành giá cả sản xuất trong điều kiện tự do cạnh tranh. Lý luận giá trị thặng dư là hòn đá tảng trong học thuyết Mác.

Trong cuốn “Tóm tắt phê phán kinh tế chính trị học”, Ph. Ăngghen cũng nghiên cứu vấn đề cạnh tranh. Ông nói, địa tô, lợi nhuận, tiền lương phụ thuộc vào cạnh tranh. Cạnh tranh sinh ra độc quyền, độc quyền lại làm cho cạnh tranh càng sâu sắc hơn. Điều đó rất đúng với tình hình kinh tế thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Lênin cũng đã chỉ ra tính quy luật tất yếu của việc chuyển từ CNTB tự do cạnh tranh sang CNTB độc quyền. Thời kỳ này, việc tích tụ và tập trung sản xuất đã đạt tới mức cao, dẫn tới sự ra đời của các tập đoàn độc quyền, và cạnh tranh độc quyền là đặc điểm cơ bản ở thời kỳ này.

Năm 1985, “lý thuyết cạnh tranh” của M.Porter đã ra đời và đưa ra khái niệm về “lợi thế cạnh tranh”; “lợi thế so sánh”; “chuỗi giá trị toàn

cầu”. M.Porter coi trọng vai trò của doanh nghiệp và của ngành mà trong đó doanh nghiệp tham gia trong quá trình cạnh tranh. Ông đưa ra mô hình “Năm ngọn tháp” hay còn gọi là mô hình “viên kim cương hình thoi” (Porter Diamond).

Khi phân tích năng lực cạnh tranh theo mô hình M.Porter, người ta xem xét bốn yếu tố quan trọng là: các điều kiện về cầu; các điều kiện về yếu tố sản xuất; chiến lược công ty, cấu trúc và cạnh tranh nội địa; các ngành công nghiệp phụ trợ và liên quan. Các yếu tố này luôn tác động qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau và thúc đẩy sự phát triển. Trong lý thuyết cạnh tranh của M.Porter có nhấn mạnh 2 điểm: áp lực cạnh tranh buộc doanh nghiệp phải đầu tư và đổi mới; thay đổi công nghệ là một trong những yếu tố có tính nguyên tắc tác động đến cạnh tranh.

Theo chúng tôi, Cạnh tranh, nói chung, là sự phấn đấu, vươn lên không ngừng để giành lấy vị trí duy nhất trong một lĩnh vực hoạt động nào đó bằng cách ứng dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ để tạo ra nhiều lợi thế nhất, tạo ra sản phẩm mới, tạo ra năng suất và hiệu quả cao nhất.

1.2. Thực tiễn phát triển của thị trường khoa học và công nghệ

1.2.1. Quá trình và điều kiện hình thành và phát triển của thị trường khoa học và công nghệ

+ *Quá trình hình thành và phát triển của thị trường KH&CN*

Sự hình thành và phát triển các loại thị trường là một quá trình lịch sử. Phạm vi, quy mô, hình thức, trình độ phát triển của thị trường gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá. Quá trình hình

thành và phát triển của thị trường có thể được phân chia thành bốn giai đoạn. Thị trường KH&CN là một loại thị trường đặc biệt do vậy nó hình thành muộn hơn các thị trường hàng hoá thông thường (vào giai đoạn thứ 3). Cuộc cách mạng KH&CN bùng nổ, đã xuất hiện thị trường các bằng sáng chế và thị trường công nghệ. Khi xuất hiện các dấu hiệu của kinh tế tri thức trong vài thập kỷ gần đây và dưới tác động của xu thế toàn cầu hoá kinh tế thì thị trường KH&CN phát triển mạnh mẽ hơn.

+ *Điều kiện hình thành và phát triển của thị trường KH&CN*

Có 7 điều kiện để thị trường KH&CN hình thành đó là: (1) các thị trường khác trong hệ thống thị trường đã tương đối phát triển. (2) Tôn trọng quyền sở hữu tư nhân, (3) Môi trường cạnh tranh lành mạnh, (4) Can thiệp hợp lý của Nhà nước, (5) Một thể chế vững mạnh và hiệu quả, (6) Cơ sở hạ tầng hiện đại, (7) Năng lực của các tổ chức và cá nhân tham gia thị trường. Trong đó sự can thiệp của Nhà nước để hình thành Quỹ ĐTMH và thể chế bảo vệ quyền SHTT là các điều kiện đặc thù để hình thành và phát triển SATM.

1.2.2. Kinh nghiệm phát triển thị trường KH&CN ở một số nước

Kinh nghiệm của Mỹ, Thứ nhất, đầu tư vào KH&CN đến mức độ bảo đảm khả năng cạnh tranh là điều kiện sống còn của xã hội Mỹ cho tương lai. *Thứ hai*, chuyển giao công nghệ, thương mại hoá các kết quả nghiên cứu là một thể mạnh của Mỹ. *Thứ ba*, hình thành các Quỹ như: Quỹ Khoa học Quốc gia- National Science Foundation (NSF), đặc biệt là Quỹ đầu tư mạo hiểm- Venture Capital Fund (VCF).

Kinh nghiệm của Nhật Bản,

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vai trò khoa học và công nghệ.

Thứ hai, tiến bộ công nghệ được xem là đầu tàu của sự tăng trưởng.

Kinh nghiệm của Ấn Độ, Ấn Độ coi KH&CN là nền tảng để thúc đẩy nền kinh tế - xã hội phát triển, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh lương thực và an ninh năng lượng. Chính phủ Ấn Độ đã thực hiện nhiều chương trình khác nhằm khuyến khích đổi mới, tăng tốc độ thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ. Những chương trình đó gồm: Giảm thuế, hình thành Quỹ nâng cấp công nghệ nội sinh hoặc nhập khẩu và Quỹ phát triển công nghệ, các nghiên cứu thuộc lĩnh vực ưu tiên cao.

CHƯƠNG 2

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ở TRUNG QUỐC

Nội dung của chương 2 là dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn đã nêu ở chương 1 để nghiên cứu sự phát triển của TTKH&CN ở Trung Quốc trên các khía cạnh: bối cảnh và xu thế, mục tiêu và quan điểm, thực trạng và giải pháp, để từ đó rút ra một số bài học thành công và chưa thành công của Trung Quốc

2.1. Bối cảnh và xu thế khoa học và công nghệ

2.1.1. Bối cảnh và xu thế khoa học và công nghệ thế giới

+ *Khoa học và công nghệ và đổi mới được đặt lên hàng đầu.*

Nhân loại đang quá độ sang nền kinh tế tri thức và tiến dần vào kỷ nguyên thông tin. Trong quá trình đó, việc dành ưu tiên phát triển KH&CN, cũng như nâng cao hiệu quả và tận dụng những ưu thế lớn nhất của KH&CN để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ngày nay hết sức cấp bách và được đặt lên hàng đầu đối với mọi quốc gia và khu vực trên thế giới.

+ *Có 3 xu thế khoa học và công nghệ*: xu thế KH&CN là động lực của sự phát triển, xu thế Toàn cầu hoá KH&CN và xu thế công nghệ hội tụ.

2.1.2. Bối cảnh và xu thế KH&CN trong nước

+ *Bối cảnh trong nước*. Sau 30 năm cải cách mở cửa, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu lớn trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Trung Quốc đã định hình được mô hình xã hội chủ nghĩa đặc sắc gồm 4 trụ cột là kinh tế thị trường, nhà nước pháp trị, văn hóa tiên tiến và xã hội hài hòa. Những thành tựu về kinh tế của Trung Quốc khiến cả thế giới phải ngưỡng mộ. Thể chế kinh tế thị trường là điều kiện tốt để KH&CN phát triển và hình thành thị trường KH&CN.

+ *Xu thế KH&CN trong nước*. Trung Quốc thực hiện chiến lược khoa giáo hưng quốc, coi KH&CN là lực lượng sản xuất thứ nhất. Trung Quốc đang ra sức thực hiện những bước đột phá lớn và phát triển nhảy vọt một số lĩnh vực KH&CN để có thể đứng vào hàng ngũ tiên tiến trên thế giới.

2.1.3. Một số nhận xét

Với tư cách là một nền kinh tế của một nước lớn xã hội chủ nghĩa đang phát triển và quá độ sang quỹ đạo của nền kinh tế thị trường (nền kinh tế chuyển đổi), nền kinh tế Trung Quốc khác về bản chất so với bất kỳ nền kinh tế của nước nào do vậy khi nghiên cứu sự phát triển TTKH&CN ở Trung Quốc từ năm 1978 trở lại đây và sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc trong tương lai, phải chú ý trên các mặt:

Một là, Trung Quốc quán triệt chiến lược chân hưng đất nước bằng khoa học, giáo dục, dựa vào KH&CN và đổi mới để làm động lực tăng trưởng kinh tế.

Hai là, do vẫn thường xuyên có những thay đổi về thể chế trong quá trình quá độ, cho nên thay đổi về thể chế vẫn phải được coi trọng trong quá trình nghiên cứu, đồng thời xem xét Trung Quốc giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng bền vững như thế nào.

Ba là, vấn đề cạnh tranh, mở cửa thị trường và thu hút đầu tư. Tình hình khu vực hoá trong nền kinh tế Trung Quốc vẫn còn rất rõ rệt, sự chênh lệch giữa các địa phương vẫn rất lớn, thị trường bên trong một số khu vực và cả nền kinh tế vẫn chưa thực sự mở cửa như mong muốn. Trong bối cảnh lớn sử dụng triệt để mở cửa thị trường và thu hút đầu tư ngoài địa phương và thị trường nước ngoài để nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, ngành và quốc gia là nguồn lực để phát triển toàn bộ nền kinh tế Trung Quốc.

2.2. Mục tiêu và quan điểm phát triển

2.2.1. Mục tiêu phát triển

Mục tiêu chủ yếu phát triển thị trường KH&CN là khai thác các kênh giữa nghiên cứu khoa học và sản xuất về mặt tổ chức và kế hoạch, để xây dựng mạng lưới trao đổi công nghệ và hệ thống mua bán công nghệ trong toàn quốc.

2.2.2. Quan điểm phát triển

- Cải cách sâu hơn hoàn chỉnh cơ cấu thị trường KH&CN;
- Tăng cường xây dựng cơ sở để phát triển thị trường KH&CN;
- Thực hiện các chính sách ưu đãi, tạo môi trường hài hoà;
- Tăng cường kiểm soát và điều chỉnh vĩ mô, thực hiện quản lý dịch vụ;
- Khuyến khích các doanh nghiệp giới thiệu công nghệ, thúc đẩy đổi mới công nghệ;
- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho thị trường khoa học và công nghệ và việc xây dựng tổ chức quản lý, tăng cường việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

2.3. Thực trạng phát triển

2.3.1. Quá trình phát triển

Chia làm 3 giai đoạn chính:

- Giai đoạn I (1978- 1991): “Giai đoạn khởi động”
- Giai đoạn II (1992- 2000): “Giai đoạn phát triển ổn định”
- Giai đoạn III (2001- 2008): “Giai đoạn phát triển mạnh mẽ”

2.3.2. Những kết quả đạt được

- Các khu vực và các cấp mua bán công nghệ ngày càng rộng hơn;
- Có nhiều tổ chức trung gian tham gia vào thị trường KH&CN;
- Gia tăng nội dung giao dịch công nghệ;
- Loại hình thị trường mua bán KH&CN đa dạng hơn;
- Đầu tư quốc tế và chuyển giao công nghệ ngày càng mạnh mẽ và hiệu quả hơn;
- Nghiên cứu khoa học ngày càng gắn kết với sản xuất.

2.3.3. Hệ thống pháp luật liên quan

Trung Quốc đã xây dựng được hệ thống pháp luật liên quan đến thị trường KH&CN tương đối đầy đủ và có tác dụng tốt trong việc hình thành và phát triển của thị trường KH&CN, nhất là các quy định về xuất nhập khẩu công nghệ sau khi gia nhập WTO. Tuy nhiên điểm yếu của Trung Quốc trong lĩnh vực này thể hiện rõ nhất ở chỗ chưa thực thi tốt về SHTT.

2.3.4. Nguyên nhân thành công

Thứ nhất, Nhà nước Trung Quốc chuyển từ vai trò người tham gia trực tiếp sang tạo môi trường thuận lợi và khuyến khích các hoạt động phát triển thị trường KH&CN như thiết lập khuôn khổ và luôn đưa ra những chính sách kịp thời để thị trường vận hành lành mạnh.

Thứ hai, Nhà nước Trung Quốc đã nhận thức đúng vai trò động lực của KH&CN, thực sự coi KH&CN là sức sản xuất thứ nhất, tầm quan trọng của sự gắn kết mật thiết giữa KH&CN với phát triển kinh tế. Để thực hiện chiến lược “Khoa giáo hưng quốc”, Chính phủ Trung Quốc đã chú trọng và khuyến khích đầu tư cho KH&CN.

Thứ ba, Trung Quốc khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển KH&CN.

Thứ tư, Trung Quốc quan tâm đào tạo và thu hút nguồn nhân lực KH&CN.

2.3.5. Những vấn đề tồn tại

- Một số chính sách và quy định không rõ ràng, cụ thể do đó các tổ chức ở nhiều địa phương gặp khó khăn trong việc hiểu và thực hiện.
- Tỷ lệ chuyển hóa thành quả KH&CN ra thị trường còn thấp.
- Thành quả KH&CN chưa phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Các nhà nghiên cứu, phát minh sáng chế thiếu vốn nên kết quả nghiên cứu không ra được sản phẩm cuối cùng.
- Những doanh nghiệp lớn không có áp lực, doanh nghiệp vừa và nhỏ không có năng lực tìm kiếm công nghệ mới.
- Chưa đặc biệt coi trọng quyền sở hữu trí tuệ (IPR).
- Chưa thực sự gắn kết giữa sáng tạo R&D với doanh nghiệp và không mấy thành công trong cải cách hệ thống nghiên cứu KH&CN.

- Quỹ đầu tư mạo hiểm (VCF) đã hình thành nhưng chưa tạo nên thị trường vốn lớn và linh hoạt để đem lại lợi ích cho các ngành công nghệ cao/mới.

2.4. Giải pháp phát triển

- Kiện toàn hệ thống lưu thông, tăng cường khâu trung gian, tăng cường xây dựng cơ quan giao dịch công nghệ
- Xây dựng trật tự thị trường công bằng, công khai và cạnh tranh lành mạnh
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế đăng ký công nhận hợp đồng công nghệ
- Thúc đẩy quản lý KH&CN và liên kết với thị trường KH&CN
- Phát triển và nuôi dưỡng thị trường KH&CN nông thôn
- Tăng cường điều tiết vĩ mô và quản lý đối với thị trường KH&CN

2.5. Một số bài học kinh nghiệm

Một là, xác định đúng và thực hiện tốt vai trò của Nhà nước đối với thị trường khoa học và công nghệ.

Hai là, tăng cường vai trò chủ thể của doanh nghiệp trên thị trường KH&CN.

Ba là, Phát triển hệ thống dịch vụ trung gian cho thị trường KH&CN.

Bốn là, Cải cách hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ.

Năm là, Phát triển đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường.

CHƯƠNG 3

VẬN DỤNG KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TRUNG QUỐC VÀO VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Chương này, luận án phân tích sự tương đồng và khác biệt chủ yếu giữa Trung Quốc và Việt Nam; đánh giá thực trạng thị trường KH&CN ở Việt Nam; từ kinh nghiệm phát triển thị trường KH&CN của Trung Quốc, so sánh, vận dụng vào Việt Nam và một số gợi ý chính sách.

3.1. Một số điểm tương đồng và khác biệt chủ yếu

- Hai nước đều mang đặc điểm chung là xây dựng CNXH từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu với sức sản xuất xã hội kém phát triển, chuyển đổi từ cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Khác biệt lớn nhất là quy mô kinh tế và đặc thù xây dựng thể chế kinh tế thị trường.

3.2. Thực trạng thị trường khoa học và công nghệ ở Việt Nam

3.2.1. Thị trường khoa học và công nghệ nội địa

a. Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart); Ở Việt Nam, hoạt động Techmart thực sự bắt đầu được quan tâm trong những năm gần đây dưới các hoạt động: Chợ công nghệ và thiết bị được phối hợp tổ chức với nước ngoài, Chợ công nghệ và thiết bị do Việt nam tổ chức, Các mô hình chợ công nghệ và thiết bị ở các địa phương.

b. Triển lãm khoa học và công nghệ; Bên cạnh hình thức tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị, các cuộc triển lãm KH&CN cũng đã được triển khai một cách độc lập hoặc như một phần của cuộc triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân.

c. Trình diễn công nghệ và thiết bị

Ngoài ra, một dạng khác của chợ công nghệ và thiết bị đã được triển khai là các cuộc trình diễn công nghệ và thiết bị đi kèm các kỳ giao ban giữa các sở KH&CN các địa phương trong một vùng. nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tìm kiếm đối tác và tiếp thị cho các sản phẩm KH&CN tại các địa phương.

d. Mua bán công nghệ thiết bị trực tiếp

Nhiều cơ sở sản xuất trong nước có nhu cầu thay thế hoặc đổi mới một phần thiết bị công nghệ trong hệ thống dây chuyền sản xuất thường tìm gặp nhà cung cấp trong nước để mua trực tiếp vì những đơn vị cung cấp này thường chiếm ưu thế về giá, thời gian và bảo hành. Một dạng mua bán công nghệ trên thị trường hiện nay cũng khá phổ biến đó là mua thiết kế của các nhà tư vấn thiết kế trong nước có sự tham gia tư vấn của các chuyên gia nước ngoài .

3.2.2. Thị trường nhập khẩu công nghệ

+ Chuyển giao công nghệ thông qua FDI

Hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thời gian qua đã bổ sung nguồn vốn lớn cho các ngành kinh tế nhưng chưa đáp ứng được chất lượng và yêu cầu chuyển giao công nghệ. Nguyên nhân

chính là chúng ta chưa có chiến lược thích hợp để nhập khẩu thu hút công nghệ, chưa tạo được động lực để các công ty nước ngoài đưa công nghệ tiên tiến vào Việt Nam và thành lập các trung tâm R&D tại Việt Nam, đồng thời năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam thấp không tạo ra áp lực với các công ty nước ngoài. Mặt khác năng lực tiếp thu công nghệ hiện đại thông qua con đường FDI của chúng ta còn hạn chế.

+ *Chuyển giao công nghệ thông qua nhập khẩu hàng hoá*

Trong số các hình thức giao dịch, việc mua bán các thiết bị chứa đựng công nghệ chiếm đa số, nhất là nhập khẩu thiết bị máy móc từ nước ngoài nhưng tỷ trọng giá trị phần mềm công nghệ chỉ chiếm khoảng 17% tổng giá trị nhập khẩu, như vậy nhập khẩu công nghệ thông qua nhập khẩu máy móc thiết bị còn hạn chế.

Nhận xét chung về thị trường KH&CN Việt Nam: Theo đánh giá tổng kết của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 khoá IX (năm 2002), “*Thị trường KH&CN mới hình thành, còn rất sơ khai và còn thiếu nhiều điều kiện để phát triển, sản phẩm khoa học, công nghệ còn nghèo nàn. Sự phát triển KH&CN vẫn chủ yếu dựa vào nguồn hỗ trợ từ Nhà nước, vai trò doanh nghiệp đối với phát triển KH&CN còn mờ nhạt. Quản lý KH&CN chậm đổi mới, lúng túng trong chuyển sang cơ chế thị trường, ...*”.

Chúng tôi thống nhất với nhận định trên và các nhận xét tương tự của các công trình nghiên cứu khác về thị trường KH&CN Việt Nam bởi vì: Nếu xét các yếu tố của thị trường KH&CN bao gồm: hàng hóa

KH&CN lưu thông trên thị trường; các chủ thể tham gia (người mua-người bán); môi trường thể chế; các tổ chức và dịch vụ trung gian, thì ở Việt Nam thị trường KH&CN đã bước đầu hình thành, đã có những giao dịch ngày càng đa dạng, có quy mô gia tăng và được chính thức hoá.

Nguyên nhân chậm phát triển

- Đầu tư cho KH&CN còn thấp và thiếu đồng bộ.
- Cơ sở pháp lý chưa đồng bộ.
- Lượng hàng hoá chưa nhiều và không ổn định về chất lượng.
- Năng lực nội sinh tạo nguồn cung sản phẩm còn hạn chế.
- Nhu cầu đổi mới công nghệ chưa đủ lớn.
- Các hoạt động hỗ trợ thị trường KH&CN chưa phát triển.

3.2.3. Các cơ chế, chính sách có liên quan

Việt Nam đã đưa ra một số chính sách kinh tế liên quan đến thị trường KH&CN như: mở cửa thị trường trong nước và quốc tế; giải phóng nguồn lực trong nước, huy động nguồn lực bên ngoài để thúc đẩy sự phát triển kinh tế; từng bước hội nhập kinh tế quốc tế thế giới và khu vực; cải cách thể chế theo định hướng thị trường. Các cơ chế ưu đãi về thuế, hỗ trợ tài chính và cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp đã khích lệ các doanh nghiệp tích cực đổi mới công nghệ và tham gia nhiều hơn vào việc thực hiện các giao dịch trên thị trường. Các doanh nghiệp đã có điều kiện nhập khẩu công nghệ, mua công nghệ trong nước hoặc ký hợp đồng với các tổ chức KH&CN để đổi mới dây chuyền sản xuất, đổi mới hoặc phát triển sản phẩm mới. Tuy

nhiên vẫn thiếu vắng cơ chế hình thành các Quỹ rủi ro và thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (IPR).

3.3. Một số gợi ý chính sách phát triển

3.3.1. Tăng cường vai trò của Nhà nước

+ *Điều tiết thị trường khoa học và công nghệ bằng các chính sách*

Chính sách đầu tư; Chính sách thuế, phí, tiền lương và cung cấp dịch vụ tài chính; Chính sách và cơ chế quản lý KH&CN; Chính sách phát triển nguồn nhân lực KH&CN; Chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ.

+ *Xây dựng trật tự thị trường*

+ *Lưu thông và mở cửa thị trường*

+ *Cung cấp thông tin thị trường*

3.3.2. Xây dựng doanh nghiệp trở thành chủ thể chính trên thị trường khoa học và công nghệ

Từ kinh nghiệm Trung Quốc Việt Nam cần tập trung vào:

a) *Chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy đầu tư đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp dựa trên thành tựu nghiên cứu KH&CN.*

b) *Chính sách và cơ chế khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ.*

c) *Chính sách cơ chế tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các thành phần kinh tế hoạt động mang tính cạnh tranh thúc đẩy đổi mới công nghệ.*

3.3.3. Đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học và công nghệ

Hệ thống nghiên cứu KH&CN và cơ chế vận hành hệ thống này ở Việt Nam cũng hình thành từ cơ chế kinh tế kế hoạch tập trung như

ở Trung Quốc do đó nó cũng có những nhược điểm tương tự như: tách rời tổ chức giữa R&D với khu vực doanh nghiệp; nhiệm vụ hoạt động và kết quả không gắn với nhu cầu thị trường; năng lực yếu kém và tiêu tốn lãng phí các nguồn lực. Cho nên phải đổi mới hệ thống KH&CN ở Việt Nam theo nguyên tắc và yêu cầu của thị trường.

3.3.4. Phát triển hệ thống các dịch vụ trung gian trên thị trường

a) Hình thành và phát triển các tổ chức xúc tiến mua bán công nghệ.

b) Phát triển các dịch vụ tư vấn, môi giới, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ.

c) Phát triển dịch vụ pháp lý về sở hữu trí tuệ và các dịch vụ pháp lý khác liên quan tới mua bán công nghệ.

d) Phát triển các dịch vụ tài chính.

3.3.5. Phát triển đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường

Thị trường KH&CN là thị trường bộ phận của hệ thống thị trường. Là loại thị trường đặc biệt không thể vận hành và phát triển tách rời với các loại hình thị trường khác, đây là vấn đề đặc thù và quan trọng của các nền kinh tế chuyển đổi. Tuy nhiên ở Việt nam khi vận dụng kinh nghiệm của Trung Quốc phải hết sức chú ý đến sự khác biệt, hệ thống thị trường ở nước ta hiện nay đã hình thành nhưng chưa phát triển lành mạnh, đặc biệt các thể chế thị trường chưa được hoàn thiện, do vậy xem xét tính đồng bộ để phát triển các loại thị trường cần chú ý trên bốn mặt cơ bản sau: (1) đồng bộ về loại hình thị trường, (2) đồng bộ về trình độ phát triển, (3) đồng bộ về môi trường pháp lý, (4) đồng bộ về mục đích và xu thế phát triển.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong nền kinh tế thị trường chính bản thân sản phẩm khoa học và công nghệ đã trở thành hàng hoá được mua bán, trao đổi trên thị trường, vì thế đã hình thành thị trường KH&CN. Vai trò của thị trường KH&CN càng trở nên quan trọng hơn khi toàn cầu hoá đang là xu thế tất yếu của nền kinh tế thế giới, trong đó sáng tạo và đổi mới là các yếu tố quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia.

Phát triển thị trường KH&CN ở Trung Quốc với mục tiêu, quan điểm, giải pháp xây dựng thành công Nhà nước sáng tạo, được quan tâm đặt lên hàng đầu và đã đạt được nhiều kết quả. Những bài học kinh nghiệm của Trung Quốc về phát triển thị trường KH&CN rất cần thiết khi mà thị trường KH&CN ở Việt Nam mới hình thành ở mức độ sơ khai, quy mô của thị trường còn chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển, hệ thống luật pháp còn chưa hoàn thiện.

Từ kết quả nghiên cứu ở 3 chương, những đóng góp chính của luận án được thể hiện qua những vấn đề sau:

Về mặt lý luận, luận án đã hệ thống hoá được một số vấn đề lý luận cơ bản về TTKH&CN. Phân tích quá trình và điều kiện hình thành và phát triển của TTKH&CN. Từ kinh nghiệm một số nước như Mỹ, Nhật, Ấn Độ đã rút ra một số điểm phổ quát để phát triển TTKH&CN.

Về mặt thực tiễn, luận án đã phân tích thực trạng và những bài học kinh nghiệm về phát triển thị trường KH&CN của Trung Quốc từ cải cách và mở cửa đến nay; nhận xét, đánh giá thị trường KH&CN Việt Nam và so sánh vận dụng những bài học kinh nghiệm để đề xuất một số chính sách phát triển thị trường KH&CN Việt Nam góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở nước ta, nhằm thực hiện thành công sự nghiệp CNH-HĐH đất nước.